

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2019/KDTM-ST

Ngày: 08/11/2019

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Đặng Thị Thu

2. Ông: Nguyễn Văn Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hải Nam – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2019/TLST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2019/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Cao su C; Địa chỉ: Số nhà 30, tổ 21, cụm 3, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Trung D – Giám đốc Công ty.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Thanh T – nhân viên Công ty TNHH MTV cao su C; Địa chỉ: Số nhà 30, tổ 21 cụm 3, phường L, quận H, thành phố Hà Nội (Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 19/7/2019 từ ông Dương Trung D – Giám đốc). Ông Hoàng Thanh T có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH cơ khí S (Viết tắt: Công ty S). Địa chỉ: thôn 16, xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hải S – Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền hiện tại: Ông Nguyễn Thanh H – Kế toán Công ty TNHH cơ khí S (Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 26/8/2019 từ ông Nguyễn Hải S – Giám đốc). Ông Nguyễn Thanh H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Đại diện nguyên đơn – Công ty TNHH MTV Cao su C trong đơn khởi kiện, trong các văn bản tố tụng và trong các buổi hòa giải trình bày:

Từ năm 2017 Công ty TNHH MTV cao su C có ký hợp đồng kinh tế về việc cung cấp lốp ô tô cho Công ty TNHH cơ khí S. Theo đó, Công ty TNHH MTV cao su C đã giao hàng cho Công ty TNHH cơ khí S nhiều lần theo đề nghị của Công ty TNHH cơ khí S, đúng chủng loại, xuất xứ hàng hóa yêu cầu. Công ty chúng tôi luôn thực hiện nghiêm túc đúng theo hợp đồng.

Trong quá trình giao dịch chuyển tiền Công ty TNHH cơ khí S thường xuyên vi phạm Hợp đồng đã ký. Đến tháng 3/2018 chúng tôi cử nhân viên vào gặp và làm việc tại Công ty TNHH cơ khí S để đối chiếu công nợ bên Công ty TNHH cơ khí S và đã giám trừ cho Công ty TNHH cơ khí S để tạo điều kiện thu hồi công nợ nhưng Công ty TNHH cơ khí S vẫn chậm trễ không chịu thanh toán công nợ. Phía công ty tôi cử người vào thì không hợp tác. Đến ngày 31/3/2018 Công ty TNHH cơ khí S tổng chốt công nợ sau khi đã giám trừ còn lại 481.154.000 đồng nhưng Công ty TNHH cơ khí S vẫn không thanh toán. Đến ngày 12/6/2018 trực tiếp giám đốc Công ty TNHH cơ khí S là ông Nguyễn Hải S trực tiếp đứng ra cam kết một lần nữa và sẽ thanh toán chia thành 03 đợt: đợt 1 là 100.000.000 đồng, thanh toán vào tháng 10/2018; đợt 2 là 100.000.000 đồng, thanh toán vào tháng 12/2018; đợt 3 thanh toán số tiền còn lại 281.154.000 đồng vào cuối năm âm 2018 nhưng đến nay Công ty TNHH cơ khí S chưa thanh toán các khoản trên vì vậy Công ty chúng tôi đã thông báo sẽ không giám trừ các khoản như hai bên công ty đã nêu ra.

Theo đó, Công ty TNHH MTV Cao su C yêu cầu Công ty TNHH cơ khí S thanh toán số tiền chưa giám trừ là 565.850.000 đồng để Công ty TNHH MTV cao su C thu hồi vốn và yêu cầu tính lãi phát sinh.

- Ý kiến đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Công ty TNHH cơ khí S có hoạt động mua bán với Công ty TNHH MTV cao su C từ năm 2016 đến năm 2017 chúng tôi có ký hợp đồng mua bán số 01/2017/HĐKD/PC-HS với giá trị 229.820.000 đồng. Sau hợp đồng trên chúng tôi không ký bất cứ hợp đồng nào với Công ty TNHH MTV cao su C. Hợp đồng trên chúng tôi đã hoàn thành thủ tục trả nợ của hợp đồng, vì vậy bên Công ty TNHH MTV cao su C yêu cầu chúng tôi phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo hợp đồng là hoàn toàn không có cơ sở. Sau khi hoàn thành thủ tục trả nợ của hợp đồng trên chúng tôi vẫn tiếp tục làm ăn mua bán với Công ty TNHH MTV cao su C trên cơ sở tin tưởng nhau, trong quá trình đó chúng tôi luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Năm 2018 bên phía Công ty TNHH MTV cao su C có nhận lại của chúng tôi 27 quả lốp nhưng không thấy hoàn tiền lại cho Công ty chúng tôi số tiền trên. Chúng tôi đề nghị Công ty TNHH MTV cao su C phải trả lại số tiền của 27 quả lốp trên. Số tiền ước tính là: $27 \times 6.050.000 = 163.350.000$ đồng. Theo sổ sách kế toán thực tế chúng tôi chỉ còn nợ Công ty TNHH MTV Cao su C với số tiền là: 481.154.000 đồng. Hiện tại Công ty TNHH cơ khí S

đang làm ăn khó khăn trong kinh doanh nên chúng tôi cam kết có lộ trình trả dần cho đến khi hết số nợ trên nhưng phía nguyên đơn phải trừ số tiền của 27 quả lốp mà Nguyên đơn đã nhận lại với số tiền ước tính là: $27 \times 6.050.000 = 163.350.000$ đồng. Do đó, Công ty chúng tôi thừa nhận và cam kết đến hết ngày 28/02/2020 Công ty chúng tôi sẽ trả hết nợ với số tiền là 317.804.000 đồng cho Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Cao su C, Công ty S không chấp nhận trả khoản lãi chậm thanh toán theo như yêu cầu của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Hoàng Thanh Tùng trình bày:

Tại đơn khởi kiện và các phiên làm việc tại Tòa án thì Công ty TNHH MTV cao su C yêu cầu Công ty TNHH cơ khí S thanh toán số tiền chưa giảm trừ là 565.850.000 đồng để Công ty TNHH MTV cao su C thu hồi vốn và yêu cầu tính lãi phát sinh. Nhưng tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện: nay Nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty TNHH cơ khí S phải trả cho Công ty TNHH MTV cao su C số tiền 481.154.000 đồng mà ông Nguyễn Hải S – Giám đốc Công ty TNHH cơ khí S đã thừa nhận nợ tại giấy cam kết ngày 12/6/2018, đồng thời bị đơn phải trả khoản lãi chậm thanh toán số tiền 481.154.000 đồng tính theo từng đợt cam kết trả nợ ngày 12/6/2018 với mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Nguyên đơn cũng thừa nhận sau khi hai bên thực hiện xong hợp đồng kinh tế đã ký kết năm 2017 thì Công ty TNHH MTV cao su C vẫn tiếp tục làm ăn mua bán với Công ty TNHH cơ khí S trên cơ sở tin tưởng nhau chứ không có hợp đồng nữa nhưng thực tế có yêu cầu mua hàng, giao hàng, trả tiền, xác nhận công nợ tiền hàng giữa hai bên. Nguyên đơn thừa nhận đã nhận lại 27 quả lốp với giá trị số tiền ước tính là: $27 \times 6.050.000 = 163.350.000$ đồng như trình bày của bị đơn. Sau khi đã khấu trừ số tiền của 27 quả lốp tổng trị giá 163.350.000 đồng thì số tiền hàng còn nợ mà hai bên xác nhận công nợ là: 481.154.000 đồng. Việc bị đơn cho rằng tổng công nợ 481.154.000 đồng là chưa trừ đi giá trị bảo hành 27 quả lốp là không có cơ sở, vì thực tế các biên bản thỏa thuận, cam kết hai bên ký kết đều thể hiện nội dung tổng công nợ còn lại (481.154.000 đồng) sau khi đã khấu trừ tiền bảo hành 27 quả lốp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu ý kiến như sau: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng pháp luật. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua xét hỏi tại phiên tòa đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 351, 352, 353, 357, 401, 468 Bộ luật Dân sự đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV cao su C đối với phần buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo biên bản cam kết số tiền 481.154.000 đồng và Công ty TNHH cơ khí S phải thanh toán lãi suất chậm thanh toán theo thời gian và số tiền cụ thể theo biên bản cam kết ngày 12/6/2018. Buộc Công ty TNHH cơ khí S phải chịu án phí KDTM theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh từ hoạt động mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH MTV cao su C và Công ty TNHH cơ khí S từ năm 2016 đến năm 2017 có ký hợp đồng mua bán số 01/2017/HĐKD/PC-HS với giá trị 229.820.000 đồng. Sau hợp đồng trên phía bị đơn không ký bất cứ hợp đồng nào với Công ty TNHH MTV cao su C. Hợp đồng trên hai Công ty thừa nhận đã hoàn thành thủ tục trả nợ của hợp đồng. Sau khi hoàn thành thủ tục trả nợ của hợp đồng trên Công ty TNHH MTV cao su C và Công ty TNHH cơ khí S thừa nhận vẫn tiếp tục làm ăn mua bán với nhau trên cơ sở tin tưởng nhau. Do đó, mặc dù tranh chấp không phát sinh từ quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa nhưng thực chất ở đây tuy không có hợp đồng mua bán hàng hóa nhưng trên cơ sở kinh doanh tin tưởng nhau, có mua hàng, giao hàng, trả tiền và có thừa nhận nợ tiền hàng hóa do đó vẫn được xác định là tranh chấp phát sinh từ hoạt động mua bán hàng hóa nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi thỏa thuận được thực hiện giải quyết và cũng là nơi bị đơn có đăng ký trụ sở hoạt động kinh doanh. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35; Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, hòa giải nhưng các bên không thống nhất được nội dung giải quyết vụ án. Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành. Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ nên đã có văn bản yêu cầu cử Kiểm sát viên tham gia tố tụng vụ án. Ngày 08/11/2019 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định xét xử số 130/2019/QĐXXST-KDTM ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Hai bên đương sự đều có mặt.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu Công ty TNHH cơ khí S thanh toán cho Công ty TNHH MTV cao su C số tiền phải trả là: 481.154.000 đồng. Tại bản cam kết ngày 12/6/2018 giữa Công ty TNHH cơ khí S do ông Nguyễn Hải S – Giám đốc và Công ty TNHH MTV Cao su C đã căn cứ biên bản đối chiếu công nợ ký ngày 31/3/2018 giữa hai Công ty để đi đến thống nhất công nợ thực tế 481.154.000 đồng. Cũng tại bản cam kết này trực tiếp giám đốc Công ty TNHH cơ khí S là ông Nguyễn Hải S trực tiếp đứng ra cam kết một lần nữa và sẽ thanh toán chia thành 03 đợt: đợt 1 trong tháng 10/2018 Công ty TNHH cơ khí S thanh toán số tiền 100.000.000 đồng; đợt 2 trong tháng 12/2018 Công ty TNHH cơ khí S thanh toán số tiền 100.000.000 đồng; đợt 3 Công ty TNHH cơ khí S thanh toán số tiền còn lại 281.154.000 đồng vào cuối năm âm 2018 nhưng đến nay Công ty TNHH cơ khí S chưa thanh toán các khoản trên. Nguyên đơn thừa nhận đã nhận lại 27 quả lốp từ Công ty S. Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2018 mà hai Công ty ký kết thì có thống nhất nội dung tại mục I (Công ty S nợ lốp C) và mục II (Công ty S đã thanh toán 457.690.000 đồng gồm có: Thanh toán lần 1: 40.000.000 đồng; Thanh toán vào tài khoản cá nhân lần 2: 49.505.000 đồng; Ủy

nhiệm chi vào tài khoản Công ty 204.835.000 đồng; Đối trừ theo chế độ bảo hành lốp 11.00CBG95 (13 lốp): 78.650.000 đồng; Đối trừ theo chế độ bảo hành lốp 11.00CB995 & 12R225 (14 lốp): 84.700.000 đồng.). Chốt đến ngày 31/3/2018 Công ty S nợ (I – II) = 481.154.000 đồng. Theo đó, căn cứ các biên bản thỏa thuận, cam kết hai bên ký kết đều thể hiện nội dung tổng công nợ còn lại 481.154.000 đồng sau khi đã khấu trừ tiền bảo hành 27 quả lốp với giá trị số tiền là: $27 \times 6.050.000 = 163.350.000$ đồng cho Công ty S. Việc bị đơn cho rằng tổng công nợ còn lại 481.154.000 đồng chưa trừ số tiền bảo hành 27 quả lốp là không có cơ sở. Do đó, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về tiền hàng mà Công ty TNHH cơ khí S còn nợ Công ty TNHH MTV Cao su C theo cam kết ngày 12/6/2018 là **481.154.000** đồng.

[2.2]. Về phần tiền lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản lãi chậm thanh toán số tiền 481.154.000 đồng tính theo từng đợt cam kết trả nợ ngày 12/6/2018 với mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. HĐXX thấy rằng tại thời điểm xét xử sơ thẩm mức lãi suất quá hạn trung bình của ba ngân hàng gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là 11%. Tuy nhiên, tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự chỉ yêu cầu bị đơn phải trả khoản lãi chậm thanh toán theo quy định của Bộ luật Dân sự nên HĐXX cần chấp nhận. Căn cứ theo Điều 357 Bộ luật Dân sự trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Xét thấy, hai bên chỉ chốt số tiền hàng và thỏa thuận thời hạn trả nợ mà không thỏa thuận mức lãi suất kể từ khi chốt nợ. Công ty TNHH cơ khí S cam kết thanh toán chia thành 03 đợt: đợt 1 là 100.000.000 đồng, thanh toán vào tháng 10/2018; đợt 2 là 100.000.000 đồng, thanh toán vào tháng 12/2018; đợt 3 thanh toán số còn lại vào cuối năm âm 2018 nhưng đến nay Công ty TNHH cơ khí S chưa thanh toán các khoản trên vì vậy Công ty S phải chịu tiền lãi phát sinh khi thanh toán trễ hạn tại từng thời điểm là có căn cứ.

Tại Điều 148 Bộ luật Dân sự quy định kết thúc thời hạn: nếu tháng kết thúc thời hạn không có ngày tương ứng thì thời hạn kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng đó do đó hai bên thỏa thuận đợt 1 thanh toán vào tháng 10/2018; đợt 2 thanh toán vào tháng 12/2018; đợt 3 thanh toán vào cuối năm âm 2018 thì được xác định là đợt 1 thanh toán vào ngày 31/10/2018; đợt 2 thanh toán vào ngày 31/12/2018; đợt 3 thanh toán vào cuối năm âm 2018 là ngày 04/02/2019. Do đó bị đơn phải chịu lãi phát sinh khi thanh toán chậm của từng đợt như sau: đợt 1 tính lãi thanh toán chậm từ ngày 01/11/2018 với số tiền 100.000.000 đồng đến ngày 08/11/2019; đợt 2 tính lãi thanh toán chậm từ ngày 01/01/2019 với số tiền 100.000.000 đồng đến ngày 08/11/2019; đợt 3 tính lãi thanh toán chậm từ ngày 05/02/2019 với số tiền 281.154.000 đồng đến ngày 08/11/2019 với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Cụ thể: đợt 1

tính lãi thanh toán chậm từ ngày 01/11/2018 với số tiền 100.000.000 đồng đến ngày 08/11/2019 (số ngày tính 373 ngày) thì số tiền lãi là 10.219.178 đồng; đợt 2 tính lãi thanh toán chậm từ ngày 01/01/2019 với số tiền 100.000.000 đồng đến ngày 08/11/2019 (số ngày tính 312 ngày) thì số tiền lãi là 8.547.945 đồng; đợt 3 tính lãi thanh toán chậm từ ngày 05/02/2019 với số tiền 281.154.000 đồng đến ngày 08/11/2019 (số ngày tính 277 ngày) thì số tiền lãi là 21.336.892 đồng. Do đó, HĐXX thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tổng số tiền lãi chậm thanh toán: 40.104.015 đồng.

Như vậy, số tiền cần chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn là 521.258.015 đồng.

[2.3]. Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về nghĩa vụ trả nợ tiền hàng 84.696.000 đồng trên tổng số tiền hàng còn nợ là 565.850.000 đồng, số tiền hàng còn lại 481.154.000 đồng, Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH cơ khí S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng ($4\% \times 121.258.015 \text{ đồng} = 4.850.000 \text{ đồng}$). Số tiền án phí kinh doanh thương mại mà bị đơn Công ty TNHH cơ khí S phải chịu là **24.850.000 đồng**.

Công ty TNHH MTV Cao su C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 13.317.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005364 ngày 01/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 35; Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 244; Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 351, Điều 352; Điều 357; Điều 385; Điều 386; Điều 398; Điều 401; Điều 430; Điều 436; Điều 440; Điều 468; Điều 688 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Cao su C:

Buộc Công ty TNHH cơ khí S phải trả cho Công ty TNHH MTV Cao su C số tiền tính đến ngày 08/11/2019 là: 521.258.015 đồng (trong đó: tiền mua hàng còn nợ 481.154.000 đồng và nợ lãi chậm thanh toán: 40.104.015 đồng)

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của Nguyên đơn về nghĩa vụ trả nợ tiền hàng 84.696.000 đồng trên tổng số tiền hàng còn nợ là 565.850.000 đồng.

3. Án phí:

3.1. Bị đơn Công ty TNHH cơ khí S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là **24.850.000** đồng.

3.2. Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Cao su C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 13.317.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005364 ngày 01/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa